

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày 26 - 01- 2024
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thuận và ông Đỗ Hồng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hải Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2022/TLST - DS ngày 13 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST - DS ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam; địa chỉ: tòa nhà N04, Hoàng Đạo Thúy, quận C, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hoàng L, Phó Giám đốc Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Vĩnh Phúc và ông Phùng Quang Tr, Trưởng phòng Giao dịch số 1, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Vĩnh Phúc; địa chỉ nơi làm việc: số 6 phố Lý Bôn, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn 6 L, xã YP, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện đang tạm trú tại: số nhà 59, đường A8, khu dân cư Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2.2. Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn 6 L, xã YP, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào hồ sơ vay vốn của anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H thì vào ngày 04/7/2018 Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Vĩnh Phúc đã ký Hợp đồng cho vay số DH0001800018/HĐCV cho anh T, chị H vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) để sử dụng vào thanh toán tiền còn thiếu khi làm nhà, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 0,84%/tháng.

Để đảm bảo cho khoản tiền vay, anh T, chị H đã thế chấp cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam quyền sử dụng 73,7m² đất tại thửa 1001, tờ bản đồ 30, thôn

6 L, xã YP, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H cùng tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số DH18/2018/HĐTC ngày 04/7/2018.

Quá trình vay vốn, anh T và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận tại hợp đồng cho vay. Tính đến ngày 26/01/2024, anh T, chị H còn nợ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam số tiền 324.421.184đồng; trong đó nợ gốc 228.500.000đ, tiền lãi 95.921.184đ.

Nay Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T, chị H có nghĩa vụ trả 324.421.184đồng và tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 27/01/2024 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp anh T, chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản anh chị đã thế chấp để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản đảm bảo nếu số tiền thu được không đủ để trả nợ thì anh T, chị H còn phải tiếp tục trả khoản tiền còn lại cho đến khi trả xong.

Đối với chi phí do đặc, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam nộp toàn bộ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H trình bày: Nhất trí với Ngân hàng về thời gian, thủ tục vay tiền và thế chấp tài sản, số tiền vay, số tiền còn nợ. Anh chị vay để thanh toán tiền còn thiếu khi làm nhà. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh chị đã làm đơn xin ly hôn nhau. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 307/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2022, anh chị đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Mặc dù không giải quyết về tài sản, công nợ nhưng kể từ khi ly hôn, anh T sử dụng toàn bộ 73,7m² đất tại thửa 1001, tờ bản đồ 30, thôn L, xã YP đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh T, chị H cùng tài sản trên đất là 01 nhà 2 tầng 01 tum anh chị xây năm 2018.

Nay, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam khởi kiện yêu cầu anh chị thanh toán số tiền gốc còn nợ là 228.500.000đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/10/2022 cho đến khi thanh toán xong.

Theo chị H: Anh T có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ Ngân hàng. Trường hợp anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản anh chị đã thế chấp để thu hồi nợ. Chị từ chối yêu cầu phản tố.

Anh T nhất trí trả toàn bộ khoản nợ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam. Tuy nhiên do kinh tế gặp khó khăn nên anh khất đến tháng 12/2024 sẽ thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi cho Ngân hàng.

Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ như kỳ hạn nêu trên thì anh chấp nhận để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn. Anh từ chối yêu cầu phản tố.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H trả Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam 324.421.184đồng; trong đó gốc 228.500.000đ,

tiền lãi 95.921.184đ cùng lãi phát sinh kể từ ngày 27/01/2024 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp anh T, chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn. Anh T, chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H về tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong giao dịch dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H đều cư trú tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y đã thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam để giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về nội dung khởi kiện:

Người đại diện của nguyên đơn cùng bị đơn thống nhất xác định: Theo Hợp đồng cho vay số DH0001800018/HĐCV ngày 04/7/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam với anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H thì anh T, chị H còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 26/01/2024 là 324.421.184đồng; trong đó nợ gốc 228.500.000đ, tiền lãi 95.921.184đ.

Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam yêu cầu anh T, chị H trả toàn bộ số tiền trên cùng lãi suất phát sinh kể từ ngày 27/01/2024 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp anh T, chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Xét Hợp đồng cho vay số DH0001800018/HĐCV ngày 04/7/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam với anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H là tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội. Nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp quy định tại các Điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật dân sự; các Điều 90, 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình như nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay. Ngân hàng Hợp tác xã đã giải ngân đủ số tiền cho vay 300.000.000đ. Anh T, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng cho vay. Tính đến ngày 26/01/2024, anh T, chị H còn nợ Ngân hàng Hợp tác xã 324.421.184đồng; trong đó gốc 228.500.000đ, tiền lãi 95.921.184đ.

Chị H xác định do chị và anh T đã ly hôn, anh T sử dụng toàn bộ 73,7m² đất tại thửa 1001, tờ bản đồ 30 cùng tài sản trên đất nên anh T có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền nợ. Anh T xác định do kinh tế gặp khó khăn nên không trả nợ đúng kỳ hạn theo thỏa thuận, nay anh đề nghị đến tháng 12/2024 sẽ thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi.

Như vậy, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù anh T, chị H đã ly

hôn, tuy nhiên tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 307/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương chưa giải quyết về công nợ, tài sản chung vợ chồng. Do vậy căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh T, chị H phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng Hợp tác xã 324.421.184đồng; trong đó nợ gốc 228.500.000đ, tiền lãi 95.921.184đ và lãi phát sinh kể từ ngày 27.01.2024 cho đến khi thanh toán xong. Theo tinh thần của Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng như quan điểm của các đương sự thì mức lãi suất phát sinh được tính theo lãi suất cơ bản được ký kết tại Hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng Hợp tác xã với anh T, chị H.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp (thửa đất số 1001, tờ bản đồ 30, thôn 6 L, xã YP đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H cùng tài sản trên đất) để thu hồi vốn trong trường hợp anh T, chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Ngày 27/4/2023, Tòa án tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế hiện: Thửa đất trên có diện tích 73,7m². Trên đất, năm 2018 anh T và chị H xây dựng 01 nhà 2 tầng diện tích mỗi tầng 61m² và 01 tum khung sắt mái tôn. Đất không thuộc trường hợp bị thu hồi, không có lần chiếm hoặc tranh chấp. Các đương sự thừa nhận đã ký hợp đồng thế chấp bất động sản là quyền sử dụng thửa đất và tài sản trên đất nêu trên để đảm bảo khoản vay 300.000.000đ.

Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số DH18/2018/HĐTC ngày 04/7/2018 ký giữa anh T, chị H với Ngân hàng Hợp tác xã là tự nguyện, được công chứng tại Văn phòng công chứng Mạnh Anh; Về hình thức, nội dung, mục đích, quyền và trách nhiệm của các bên phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn về giao dịch đảm bảo nên các bên phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp. Anh T, chị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đối với khoản tiền đã vay, theo quy định tại các Điều 299, 323 Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định giá định giá và đo đạc: Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 299, 317, 318, 319, 323, 355, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, khoản 2 Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.

Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H phải trả Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam 324.421.184đồng; trong đó gốc 228.500.000đ, tiền lãi 95.921.184đ cùng lãi suất phát sinh 0,84%/tháng của số tiền gốc chưa trả kể từ ngày 27.01.2024 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp anh T, chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là 73,7m² đất ở tại thửa 1001, tờ bản đồ 30, thôn 6 L, xã YP, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H cùng tài sản trên đất là 01 nhà 2 tầng diện tích mỗi tầng 61m² và 01 tum khung sắt mái tôn để thu hồi nợ (có sơ đồ kèm theo).

2. Anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị Thu H phải nộp 13.907.000đ (mười ba triệu chín trăm linh bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) tại biên lai số 0001511 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã YP;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng - HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu